

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/LĐ-ST

Ngày 14 – 5 – 2021

V/v tranh chấp tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 14/2020/TLST-LĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp tiền lương, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2021/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hồng T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 9, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Hồ Văn T1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Anh Hồ Hoàng S, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh Trần Hồng T trình bày: Ngày 24/4/2020 âm lịch, anh Hồ Văn T1 có thuê anh T lái xe cuốc, tiền lương thỏa thuận 10.000.000 đồng/tháng. Tính đến ngày 01/9/2020 âm lịch anh T1 còn nợ anh T tiền lương là 01 tháng 26 ngày, sau đó anh S là con anh T1 trả được 1.500.000 đồng, số tiền lương còn lại chưa trả là 17.158.000 đồng, vì vậy anh T yêu cầu anh T1 và anh S có nghĩa vụ trả cho anh tiền lương chưa trả nêu trên. Tuy nhiên tại phiên tòa anh T chỉ yêu cầu anh T1 trả tiền lương của 26 ngày bằng 7.800.000 đồng.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, anh Hồ Văn T1 trình bày: Anh T1 có thuê anh T lái cuốc như anh T trình bày, tuy nhiên tiền lương thuê thỏa thuận tính theo ngày là 300.000 đồng, khi thuê không có làm hợp đồng, khi trả tiền không làm biên nhận, việc trả tiền lúc đầu anh T1 là người trả, sau này con anh T1 là anh S trả. Anh T làm một thời gian thì anh T1 thấy anh T không trung thực nên không thuê anh T nữa. Anh T cho rằng anh T1 còn nợ tiền lương chưa trả 17.158.000 đồng là không đúng, anh T1 thừa nhận tiền lương chưa trả cho anh T 26 ngày bằng 7.800.000 đồng nên đồng ý trả.

Anh T1 có yêu cầu phản tố cho rằng, trong thời gian anh T làm cho anh T1, anh T còn giữ sổ ký nhận 72 xe đất trị giá bằng tiền 25.200.000 đồng, ngoài ra anh T còn làm mất 02 cái bình ắc quy 100mp trị giá 6.000.000 đồng, 01 cái bình ắc quy 80mp trị giá 1.900.000 đồng, làm hư hỏng 04 cái răng rào của xe cuốc trị giá 1.200.000 đồng. Vì vậy anh T1 yêu cầu anh T bồi thường tổng cộng 34.300.000 đồng.

- Anh Hồ Hoàng S trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của anh Hồ Văn T1, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp tiền lương.

[2] Anh T1 và anh S là bị đơn có yêu cầu phản tố, tuy Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 và anh S đều vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh T yêu cầu anh T1 và anh S liên đới trả tiền lương cho anh T là 17.158.000 đồng, tại phiên tòa anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể anh T yêu cầu anh T1 trả tiền lương 26 ngày x 300.000đồng/ngày bằng 7.800.000 đồng. Việc anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện xét thấy không làm bất lợi cho anh T1 và anh S nên được chấp nhận xem xét để giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 24/4/2020 âm lịch, anh T1 với anh T có giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói, theo đó anh T1 là người sử dụng lao động, anh T là người lao động, công việc anh T thực hiện là lái xe cuốc cho anh T1, điều này là có thật, đã được các đương sự thừa nhận. Theo anh T xác định, thời hạn lao động xác định bằng tháng, với mức lương 10.000.000 đồng/tháng nhưng anh T không có chứng cứ gì chứng minh, ngược lại anh T1 xác định thời hạn lao động tính theo ngày, tiền lương thỏa thuận anh T được nhận 300.000 đồng/ngày, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định về thời hạn lao động cũng như mức lương anh T được nhận theo anh T1 thừa nhận là 300.000 đồng/ngày để làm căn cứ giải quyết.

Theo anh T xác định tính đến thời điểm anh T nghỉ việc ngày 01/9/2020 âm lịch, anh T1 còn nợ anh T 26 ngày lương. Lời trình bày trên của anh T xét thấy là phù hợp với lời thừa nhận của anh T1 và anh S thể hiện tại bản tự khai ngày 14/01/2021, đơn phản tố ngày 28/01/2021, cũng như biên bản hòa giải ngày 11/3/2021. Do anh T1 chưa trả tiền lương của 26 ngày cho anh T, vì vậy anh T yêu cầu anh T1 có trách nhiệm trả tiền lương 26 ngày x 300.000 đồng/ngày = 7.800.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T nên án phí lao động anh T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc anh T1 và anh S vắng mặt tại phiên tòa bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố, nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh T1 và anh S, do đó án phí anh T1 và anh S dự nộp tịch thu sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 90, 95, 97 của Bộ luật lao động;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồng T.

Buộc anh Hồ Văn T1 có nghĩa vụ trả tiền lương cho anh Trần Hồng T 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T1 không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh Hồ Văn T1, anh Hồ Hoàng S về việc buộc anh Trần Hồng T bồi thường 34.000.000 đồng.

Án phí lao động: Anh Trần Hồng T không phải chịu, anh Hồ Văn T1 phải chịu án phí 300.000 đồng (chưa nộp).

Ngày 25/02/2021 anh Hồ Văn T1 và anh Hồ Hoàng S nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000668 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau chuyển thu sung quỹ nhà nước.

T1 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Văn T1, anh Hồ Hoàng S vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Việt Trung